

Số: 1886/TB-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO

Điểm chuẩn trúng tuyển đại học chính quy năm 2025 của Đại học Kinh tế Quốc dân

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học; tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học ban hành kèm theo Quyết định số 2533/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 01/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐHKQTĐ);

Căn cứ Thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 ban hành theo Quyết định số 377/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 28/3/2025 của Giám đốc ĐHKQTĐ;

Căn cứ Thông báo số 1631/TB-ĐHKQTĐ ngày 22/7/2025 về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các phương thức xét tuyển đại học chính quy năm 2025 của Giám đốc ĐHKQTĐ;

Căn cứ kết quả xét tuyển và xử lý nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT;

Căn cứ kết luận của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 tại cuộc họp ngày 22/8/2025,

Hội đồng tuyển sinh Đại học Kinh tế Quốc dân thông báo điểm chuẩn trúng tuyển đại học chính quy năm 2025 của ĐHKQTĐ như sau:

| TT | Mã | Ngành/CTĐT | Điểm chuẩn trúng tuyển |
|----|---------|--|---------------------------|
| 1 | 7480202 | An toàn thông tin | 25,59 |
| 2 | 7340204 | Bảo hiểm | 24,75 |
| 3 | 7340116 | Bất động sản | 25,41 |
| 4 | EP09 | Công nghệ tài chính (BFT)/ngành TC-NH | 26,29 |
| 5 | 7480201 | Công nghệ thông tin | 25,89 |
| 6 | EP02 | Định phí Bảo hiểm & Quản trị rủi ro (Actuary) | 25,50 |
| 7 | 7480104 | Hệ thống thông tin | 26,38 |
| 8 | 7340405 | Hệ thống thông tin quản lý | 27,50 |
| 9 | 7340301 | Kế toán | 27,10 |
| 10 | EP04 | Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) | 25,90 |
| 11 | EP15 | Khoa học dữ liệu | 26,13 |
| 12 | 7480101 | Khoa học máy tính | 26,27 |
| 13 | 7340401 | Khoa học quản lý | 26,06 |



A

| TT | Mã | Ngành/CTĐT | Điểm chuẩn trung tuyển |
|-----------|------------------|---|-----------------------------------|
| 14 | EP01 | Khởi nghiệp và phát triển kinh doanh (BBAE)/ngành QTKD | 24,92 |
| 15 | 7340302 | Kiểm toán | 28,38 |
| 16 | EP12 | Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế (ICAEW CFAB) | 27,25 |
| 17 | 7620114 | Kinh doanh nông nghiệp | 23,75 |
| 18 | 7340120 | Kinh doanh quốc tế | 28,60 |
| 19 | EP05 | Kinh doanh số (E-BDB)/ngành QTKD | 26,40 |
| 20 | 7340121 | Kinh doanh thương mại | 28,00 |
| 21 | 7310104 | Kinh tế đầu tư | 27,50 |
| 22 | 7310101_1 | Kinh tế học (ngành Kinh tế) | 26,52 |
| 23 | EP13 | Kinh tế học tài chính (FE)/ngành Kinh tế | 25,41 |
| 24 | 7620115 | Kinh tế nông nghiệp | 24,35 |
| 25 | 7310105 | Kinh tế phát triển | 26,77 |
| 26 | 7310106 | Kinh tế quốc tế | 28,13 |
| 27 | 7850102 | Kinh tế tài nguyên thiên nhiên | 23,50 |
| 28 | 7310101_2 | Kinh tế và quản lý đô thị (ngành Kinh tế) | 25,80 |
| 29 | 7310101_3 | Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực (ngành Kinh tế) | 26,79 |
| 30 | EP17 | Kỹ thuật phần mềm | 24,70 |
| 31 | 7510605 | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | 28,61 |
| 32 | EP14 | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng tích hợp chứng chỉ quốc tế (LSIC) | 27,69 |
| 33 | 7380101 | Luật | 25,96 |
| 34 | POHE4 | Luật kinh doanh | 25,50 |
| 35 | 7380107 | Luật kinh tế | 26,75 |
| 36 | 7380109 | Luật thương mại quốc tế | 26,44 |
| 37 | 7340115 | Marketing | 28,12 |
| 38 | 7220201 | Ngôn ngữ Anh | 26,51 |
| 39 | CLC1 | Nhóm ngành Chất lượng cao CLC1 | 25,25 |
| 40 | CLC2 | Nhóm ngành Chất lượng cao CLC2 | 26,50 |
| 41 | CLC3 | Nhóm ngành Chất lượng cao CLC3 | 26,42 |
| 42 | TT1 | Nhóm ngành Chương trình tiên tiến TT1 | 24,75 |
| 43 | TT2 | Nhóm ngành Chương trình tiên tiến TT2 | 25,50 |
| 44 | EP03 | Phân tích dữ liệu kinh tế (EDA) | 26,78 |
| 45 | EP06 | Phân tích kinh doanh (BA)/ngành QTKD | 27,50 |
| 46 | 7320108 | Quan hệ công chúng | 28,07 |
| 47 | 7340408 | Quan hệ lao động | 25,00 |
| 48 | 7340403 | Quản lý công | 25,42 |
| 49 | EPMP | Quản lý công và chính sách (E-PMP) | 23,00 |
| 50 | 7850103 | Quản lý đất đai | 24,38 |
| 51 | 7340409 | Quản lý dự án | 26,63 |
| 52 | 7850101 | Quản lý tài nguyên và môi trường | 24,17 |
| 53 | POHE6 | Quản lý thị trường | 24,66 |
| 54 | EP08 | Quản trị chất lượng và Đổi mới (E-MQI) /ngành QTKD | 24,20 |

| TT | Mã | Ngành/CTĐT | Điểm chuẩn trúng tuyển |
|----|---------|--|---------------------------|
| 55 | 7810103 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 26,06 |
| 56 | EP07 | Quản trị điều hành thông minh (E-SOM) /ngành QTKD | 25,10 |
| 57 | EP18 | Quản trị giải trí và sự kiện | 25,89 |
| 58 | 7810201 | Quản trị khách sạn | 26,25 |
| 59 | POHE1 | Quản trị khách sạn | 25,61 |
| 60 | EP11 | Quản trị khách sạn quốc tế (IHME) | 24,25 |
| 61 | 7340101 | Quản trị kinh doanh | 27,10 |
| 62 | EBBA | Quản trị kinh doanh (E-BBA) | 25,64 |
| 63 | POHE5 | Quản trị kinh doanh thương mại | 26,29 |
| 64 | POHE2 | Quản trị lữ hành | 24,64 |
| 65 | 7340404 | Quản trị nhân lực | 27,10 |
| 66 | 7340201 | Tài chính – Ngân hàng | 27,34 |
| 67 | EP10 | Tài chính và Đầu tư (BFI)/ngành TC-NH | 26,27 |
| 68 | POHE7 | Thẩm định giá | 24,55 |
| 69 | 7310107 | Thống kê kinh tế | 26,79 |
| 70 | 7340122 | Thương mại điện tử | 28,83 |
| 71 | 7310108 | Toán kinh tế | 26,73 |
| 72 | EP16 | Trí tuệ nhân tạo | 25,44 |
| 73 | POHE3 | Truyền thông Marketing | 27,61 |

Ghi chú: - Điểm chuẩn trúng tuyển là điểm quy đổi tương đương giữa các phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển thang điểm 30 theo điểm TN THPT năm 2025.

- Điểm chuẩn trúng tuyển áp dụng đối với tất cả các phương thức xét tuyển

Đại học Kinh tế Quốc dân chúc mừng và chào đón thí sinh trở thành Tân sinh viên khóa 67 năm 2025 của Đại học.

Thí sinh tra cứu kết quả trực tuyến tại: <https://courses.neu.edu.vn/kqxt>



Thí sinh trúng tuyển **xác nhận nhập học** theo hình thức trực tuyến, hạn cuối trước 17h00 ngày 30/8/2025 trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT theo quy định và hướng dẫn chung của Bộ GD&ĐT.

Sau khi xác nhận nhập học, thí sinh **nhập học** theo hình thức trực tuyến trên Hệ thống của ĐH KTQD tại: <https://nhaphoc.neu.edu.vn> từ 8h00 ngày 25/8/2025 đến 17h00 ngày 31/8/2025.

Quá thời hạn nêu trên, thí sinh không xác nhận nhập học và nhập học được xem là từ chối nhập học.

Thí sinh có thắc mắc về kết quả xét tuyển, đề nghị gửi tới địa chỉ email của bộ phận tuyển sinh: xtkh@neu.edu.vn trước 17h00, ngày 31/8/2025.



Handwritten signature

Thí sinh trúng tuyển cần theo dõi thông tin tại các địa chỉ sau:

- Cổng thông tin điện tử của ĐH KTQD: <https://neu.edu.vn>
- Website Phòng Quản lý đào tạo: <https://daotao.neu.edu.vn>
- Cửa sổ tư vấn tuyển sinh tương tác trực tuyến: <https://daotao.neu.edu.vn>
- Hotline (trong giờ hành chính): 0888.128.558

Nơi nhận: 

- Phòng TT (để đăng CTTĐT);
- Lưu VT, QLĐT.

GIÁM ĐỐC
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS.TS Bùi Huy Nhượng

